

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 09-8-2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng.
2. Ông Tôn Phước Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 19/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1966 (Có mặt).
2. Ông Phạm Anh T, sinh năm: 1965 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1966. (văn bản ủy quyền ngày 19/9/2018). (Có mặt).

Cùng địa chỉ: số 46, T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 563, tổ 19, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm: 1954 (Vắng mặt).
2. Bà Trần Thị V, sinh năm: 1959 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 563, tổ 19, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày: Vào khoảng năm 2014 do chị T là người giúp việc trong gia đình của bà nên vợ chồng bà tham gia chơi nhiều dây hụi (không nhớ cụ thể bao nhiêu dây hụi), trong đó có dây hụi 500.000 đồng, dây hụi 1.000.000 đồng, do chị T làm chủ hụi, vì tin tưởng nên giữa vợ chồng bà và chị T không làm giấy hụi. Sau khi vỡ hụi thì vợ chồng bà và chị T có tổng kết lại số tiền nợ hụi mà chị T còn nợ là 179.500.000 đồng. Tuy nhiên, chị T không trả cho vợ chồng bà số tiền hụi còn thiếu, đến ngày 30/12/2016 thì vợ chồng bà Cảnh, ông Việt (cha, mẹ ruột của chị T) có đồng ý bàn giao căn nhà để trả nợ thay cho chị T theo biên bản bàn giao nhà ngày 30/12/2016. Sau đó, bà Cảnh, ông Việt không thực hiện việc bàn giao nhà nên ngày 22/6/2018, bà và bà V có tiến hành lập vi bằng trong đó có nội dung bà V cam kết trả cho vợ chồng bà số tiền trên. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị T, ông C, bà V liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền hụi 179.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V có tờ tự khai trình bày: con gái bà là T làm chủ hụi và mất khả năng thanh toán, còn nợ lại tiền hụi của bà T, ông T là 179.500.000 đồng. Sau đó, bà và bà T có ký vi bằng ngày 22/6/2018 với nội dung bà đồng ý trả nợ thay cho chị T. Ông C (chồng bà) tuy không ký tên nhưng biết sự việc và đồng ý cùng bà trả số tiền trên cho bà T, ông T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà T, ông C về nội dung đơn khởi kiện của bà T, ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phạm Anh T khởi kiện chị Nguyễn Thị Lệ T. Chị Nguyễn Thị Lệ T có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phạm Anh T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Lệ T, ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị V liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền hụi còn nợ 179.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là vi

bằng ngày 22/6/2018 được ký giữa bà T và bà T có nội dung: “Hộ khẩu của con là Lê T còn chung hộ khẩu với cha mẹ và số tiền còn lại tôi cam kết sau 03 tháng kể từ ngày lập vi bằng sẽ thanh toán dứt điểm” và nội dung trình bày của bà V tại tờ tự khai “tôi có biết việc T làm chủ hội và mất khả năng thanh toán, hiện còn nợ bà T, ông T số tiền 179.500.000 đồng”.

Mặt khác, theo lời khai của chị Phạm Thị Thúy V, bà Nguyễn Thị Phương N tại các biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2019 thì bà N, chị V xác định có biết việc giữa bà T, ông T có tham gia nhiều dây hội của chị T và chưa hốt hội, riêng số tiền hội cụ thể thì không rõ bao nhiêu, bà Nga còn là người trực tiếp nhận tiền từ bà T để đóng hội cho chị T. Ngoài ra, các lời khai trên còn phù hợp với chứng cứ là biên bản hòa giải tại ấp A, xã B bà V cũng có lời khai chị T còn nợ của bà T, ông T số tiền 179.500.000 đồng, biên bản xác minh ngày 24/4/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T cũng không gửi bất kỳ văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, đây là những tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù giữa bà T, ông T và chị T khi xác lập hợp đồng góp hội không làm giấy hội và không có giấy tờ thể hiện số tiền hội mà chị T còn nợ của bà T, ông T nhưng qua các chứng cứ là vi bằng ngày 22/6/2018, tờ tự khai của bà V, lời khai của bà N, chị V, biên bản xác minh ngày 24/4/2019, có cơ sở xác định giữa bà T, ông T và chị T có thỏa thuận về việc góp hội, bà T, ông T là hội viên, hợp đồng góp hội được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là giao dịch hợp pháp. Do chị T vi phạm nghĩa vụ như đã thỏa thuận nên chị T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền hội còn nợ cho bà T, ông T.

[5] Đối với yêu cầu buộc chị T, ông C, bà V cùng liên đới trả số tiền hội còn thiếu là 179.500.000 đồng của bà T, ông T, Hội đồng xét xử xét thấy ông C, bà V không trực tiếp giao kết hợp đồng với chị T, tại vi bằng ngày 22/6/2018 chỉ có chữ ký của bà V, bà T và nội dung vi bằng chỉ thể hiện cam kết của bà V trả số tiền còn lại mà không xác định rõ số tiền cụ thể, mặc dù tại tờ tự khai bà V có lời khai đồng ý trả nợ cho chị T nhưng tại phiên tòa bà V vắng mặt nên không ghi nhận được sự tự nguyện của bà V. Ngoài ra, ông C không ký tên vào vi bằng mà chỉ ký vào biên bản bàn giao nhà ngày 31/12/2016, không có chứng cứ thể hiện ý kiến về việc đồng ý cùng bà V trả thay số tiền hội mà chị T còn nợ của bà T, ông T nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm liên đới của ông C, bà V đối với số tiền hội còn nợ của chị T.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T buộc chị T có trách nhiệm trả cho bà T, ông T số tiền hội còn thiếu 179.500.000 đồng theo quy định tại các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh T đồng thời là người đại diện ủy quyền cho ông Phạm Anh T, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn và người liên quan: Các bà Nguyễn Thị Lệ T, Trần Thị V và ông Nguyễn Ngọc C, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Tại tờ tự khai (không ghi ngày, tháng, năm), bà V thừa nhận bà T có làm chủ hụi và nợ bà T, ông T 179.500.000 đồng, đồng ý cùng bà T trả nợ. Phía ông C, bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T.

Xét thấy, hợp đồng hụi giữa bà T, ông T với bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện bằng lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thị Phương N, Phạm Thị Thúy V và bà V, xác định bà T có làm chủ nhiều dây hụi, bà T, ông T có tham gia với tư cách hụi viên. Bà T đã được giao, nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu của bà T, ông T yêu cầu trả 179.500.000 đồng nhưng bà T không có ý kiến phản hồi nên căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T, buộc bà T trả 179.500.000 đồng.

Đối với ông C, bà V là cha mẹ của bà T, không trực tiếp giao kết hợp đồng với ông T, bà T nên không có cơ sở buộc liên đới cùng bà T trả 179.500.000 đồng. Tuy bà V có tự nguyện cùng bà T trả ông T, bà T 179.500.000 đồng nhưng vắng mặt nên không ghi nhận sự tự nguyện của bà V.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T trả ông Phạm Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh T 179.500.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị V

[7] Về án phí: chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phạm Anh T.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị V.

- Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phạm Anh T số tiền 179.500.000 đồng (*Một trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.975.000 đồng (*Tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)

Bà Huỳnh Thị Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.487.000 đồng (*Bốn triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000034 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phạm Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Lệ T, ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên